

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2383 /UBND-NNTN  
V/v thỏa thuận Dự án Quy hoạch  
phòng, chống lũ và chỉnh trị  
sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu  
đập Thạch Nham đến Cửa Đại

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 7 năm 2013

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....4253.....
	Ngày: 01/7/13.....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;  
Căn cứ Luật Đất đai số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006;  
Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;  
Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020;  
Căn cứ Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;  
Căn cứ Quyết định số 2238/QĐ-BNN-KH ngày 20/8/2010 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định về quản lý Quy hoạch ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn;  
Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 10/02/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2015;  
Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt và ban hành Kế hoạch Quản lý rủi ro thiên tai tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;  
Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi đến năm 2030;  
Ngày 26/9/2012, UBND tỉnh có Công văn số 3365/UBND-NNTN về việc xin ý kiến thỏa thuận Dự án Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại, giai đoạn 2012-2020. Theo yêu cầu của Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 118/TCTL-ĐĐ ngày 01/02/2013 về việc bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại; UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, đơn vị tư vấn quy hoạch bổ sung, hoàn thiện hồ sơ dự án;  
Để có cơ sở thẩm định, phê duyệt Dự án Quy hoạch phòng, chống lũ và

chính trị sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại theo quy định của Luật Đê điều, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, có ý kiến thỏa thuận về Dự án Quy hoạch phòng, chống lũ và chính trị sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại, với nội dung chính như sau:

**I. Tên dự án:** Quy hoạch phòng, chống lũ và chính trị sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại.

**II. Phạm vi vùng quy hoạch:** Từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại thuộc các huyện: Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

### **III. Mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch**

#### **1. Mục tiêu**

- Phòng chống và giảm thiểu các thiệt hại do lũ, lụt gây ra trên lưu vực sông Trà Khúc tỉnh Quảng Ngãi; đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và nhà nước, bảo vệ kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật trong vùng dự án, đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chính trị dòng sông Trà Khúc từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại để ổn định dòng sông, chống xói lở và tạo cảnh quan, môi trường dọc hai bờ sông Trà Khúc.

#### **2. Nhiệm vụ**

- Nghiên cứu, đánh giá quá trình diễn biến của dòng chảy trên sông Trà Khúc, có xét đến ảnh hưởng của sông Vệ (hạ lưu sông Trà Khúc tại Cửa Đại); đánh giá mức độ bồi lắng, xói lở bờ sông; hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và định hướng phát triển để lập quy hoạch.

- Lựa chọn phương án phòng, chống lũ; cải thiện môi trường, chỉnh trang đô thị và tạo cảnh quan du lịch sinh thái trong vùng quy hoạch.

- Lựa chọn phương án chính trị dòng sông để chống sạt lở, đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản cho nhân dân và phát triển hạ tầng cơ sở dọc hai bờ hạ lưu sông Trà Khúc.

### **IV. Quy hoạch phòng, chống lũ**

#### **1. Tiêu chuẩn phòng, chống lũ**

- Đối với lũ chính vụ: Tính toán với các tần suất: 1%, 2%, 5% và 10% để đưa ra phương án phòng, chống lũ cho các đối tượng như sau: (1) Tần suất 10% để đưa ra phương án và biện pháp phòng, chống lũ cho các đối tượng: Thành phố, thị trấn, các khu dân cư, quốc lộ, tỉnh lộ, cơ quan hành chính và công trình công cộng, vùng có thể trồng được lúa mùa, màu và mía quanh năm; (2) Tần suất 5% để xác định mực nước và lưu lượng nhằm cảnh báo cho các đối tượng được bảo vệ ở điểm (1) và xác định cao trình nền phù hợp cho các khu thương mại; (3) Tần suất 2% để xác định cao độ cho quốc lộ và tỉnh lộ mới, khu công nghiệp, kho lương thực; (4) Tần suất 1% là để xác định cao trình cho các đối tượng đặc biệt như: Trạm biến thế, cứu hỏa cứu thương, viễn thông.

Lũ chính vụ thường xảy ra vào các tháng 9, 10, 11 hàng năm.

- Đối với lũ sớm: Tính toán với tần suất lũ  $P = 10\%$  để đưa ra các biện pháp bảo vệ lúa và màu vụ Hè Thu và kết cấu hạ tầng trong vùng ngập lụt. Lũ sớm thường xảy ra vào tháng 9 hàng năm.

- Đối với lũ tiểu mãn: Tính toán với tần suất lũ  $P = 10\%$  để đưa ra các biện pháp phòng, chống lũ đầu vụ cho lúa và màu Hè Thu và kết cấu hạ tầng trong vùng ngập lụt. Lũ tiểu mãn thường xảy ra vào tháng 5 hàng năm.

- Đối với lũ muộn: Tính toán theo phương án nền tần suất 10% với tần suất lũ  $P = 10\%$  để đưa ra các biện pháp phòng, chống lũ đầu vụ cho lúa và màu Đông Xuân và kết cấu hạ tầng trong vùng ngập lụt. Lũ muộn thường xảy ra vào tháng 12 hàng năm.

## **2. Biện pháp phòng, chống lũ**

### **a) Biện pháp phi công trình:**

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế chính sách.
- Nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo.
- Nâng cao nhận thức cộng đồng.
- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp.
- Một số biện pháp khác: Kiện toàn bộ máy chỉ đạo, thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, nâng cao khả năng ứng cứu tại chỗ, phối hợp các ngành các cấp trong tìm kiếm, cứu hộ; xã hội hóa công tác quản lý hiểm họa lũ, lụt; theo dõi, thu thập, chia sẻ thông tin và đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời; khắc phục hậu quả, tái thiết, phục hồi để tiếp tục phát triển; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng, chống lũ; đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế và tranh thủ đầu tư; xây dựng nhà cộng đồng phòng tránh lũ, bão.
- Trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.
- Quy hoạch sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng phù hợp; rà soát và lập các quy hoạch liên quan khác.

### **b) Biện pháp công trình:**

b.1) Tần suất phòng, chống lũ chính vụ:  $P_{CL} = 10\%$ .

b.2) Trường hợp tính toán của phương án chọn: Tính toán quy hoạch phòng, chống lũ với tần suất 10% và 5%, trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất vùng quy hoạch và cập nhật các dự án đề xuất mới như: Các tuyến đường cũ được nâng cấp; tuyến đường mới, đê bao mới, đập dâng ở hạ lưu cầu Trà Khúc, Khu biệt thự golf cao cấp đảo Hồng Ngọc.

b.3) Phương án quy hoạch: Xây dựng tuyến thoát lũ không khép kín.

- Bờ tả từ hạ lưu đập Thạch Nham bao gồm: Tuyến đường 623; tuyến đường Tịnh Hà - Tịnh Minh; tuyến đê bờ Bắc sông Trà Khúc (đoạn từ giao điểm giữa đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi với tuyến đường sắt Bắc Nam tới Quốc lộ 1A tại đầu cầu Trà Khúc); tuyến đường Mỹ Trà - Mỹ Khê; nối tiếp với tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh.

- Bờ hữu từ hạ lưu đập Thạch Nham bao gồm: Tuyến đường 623B; tuyến đê bờ Nam sông Trà Khúc (đoạn từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi nối với tuyến đê Bàu Công; đê bao thành phố Quảng Ngãi; tuyến Quốc lộ 1A (đường tránh Đông thành phố Quảng Ngãi); tuyến đường bờ Nam sông Trà Khúc (đến cửa Cổ Lũy).

- Trong tuyến thoát lũ có đoạn khép kín qua khu vực thành phố Quảng Ngãi, đoạn khép kín này là hai tuyến đê (bờ Bắc và bờ Nam sông Trà Khúc) sẽ được xây dựng hoàn chỉnh để chống lũ chính vụ với tần suất 10%.

#### b.4) Biện pháp công trình phòng, chống lũ:

- Xây dựng và nâng cấp các tuyến đường theo phương án quy hoạch nêu trên (điểm b.3) để phát triển giao thông đô thị vừa kết hợp phòng, chống lũ cho thành phố Quảng Ngãi.

- Xây dựng tuyến đê bờ hữu sông Trà Khúc, gồm hai đoạn:

+ Đoạn 1: Xây dựng mới và nâng cấp tuyến đê hiện có từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến bến Tam Thương để đảm bảo cao trình đỉnh đê chống được mực nước đã tính toán có xét đến chiều cao an toàn (có thể là con chạch bằng tường bê tông cốt thép hoặc tường đá xây để phù hợp với hiện trạng và phát triển trong tương lai), chiều dài đoạn 1 là: 3,6 km.

+ Đoạn 2: Xây dựng đê mới từ bến Tam Thương tới cuối kè Nghĩa Dũng (vừa là đê vừa là đường kết hợp với kè đã có). Đê mới được đắp đất, mái ngoài sông được lát hoặc xây đá, mái trong đồng trồng cỏ, mặt đê rải nhựa hoặc đổ bê tông, chiều dài đoạn 2 là: 7,0 km.

- Xây dựng tuyến đê bờ tả sông Trà Khúc:

Là tuyến đê mới từ đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi đến đầu bờ Bắc của Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc (dự kiến xây dựng), tuyến đê này vừa là đê vừa là đường nên kết cấu mặt cắt ngang như Đoạn 2 của bờ hữu, chiều dài tuyến là: 7,0 km (kết cấu mặt cắt, cao trình đỉnh đê dọc theo tuyến được trình bày cụ thể trong báo cáo chuyên đề quy hoạch phòng, chống lũ).

Việc xây dựng hai tuyến đê trên cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa hai ngành: Giao thông vận tải và Nông nghiệp và PTNT vì hai tuyến này vừa là đường đô thị vừa là đê chống lũ và kết hợp là kè chống xói lở bờ sông ở một số đoạn.

- Mực nước tính toán tại một số vị trí đặc trưng dọc sông Trà Khúc theo phương án quy hoạch phòng, chống lũ (*xem Phụ lục 01*).

## V. Quy hoạch chính trị

### 1. Nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, đánh giá quá trình diễn biến của dòng chảy trên sông Trà Khúc, có xét đến ảnh hưởng của sông Vệ (hạ lưu sông Trà Khúc tại Cửa Đại); đánh giá mức độ bồi lắng, xói lở bờ sông; hiện trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và định hướng phát triển để lập quy hoạch.

- Lựa chọn phương án chính trị dòng sông để chống sạt lở, đảm bảo an

toàn tính mạng, tài sản cho nhân dân và phát triển hạ tầng cơ sở dọc hai bờ hạ lưu sông Trà Khúc.

**2. Lưu lượng tạo lòng:**  $Q_{TL} = 1.400 \text{ m}^3/\text{s}$ .

**3. Tuyến chỉnh trị:** Tuyến chỉnh trị từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại có tổng chiều dài  $L = 39 \text{ km}$ . (Xem phụ lục 02: Các thông số cơ bản của tuyến chỉnh trị).

**4. Phương án quy hoạch chỉnh trị:**

a) Xây dựng các công trình kè lát mái tại các vị trí trọng yếu nhằm ổn định dòng chảy trong sông và hai bờ sông.

- Vị trí, phạm vi sạt lở bờ sông cần chỉnh trị: 32 vị trí (Xem phụ lục 03).

- Công trình chỉnh trị: Xây dựng mới 27 công trình kè lát mái và nâng cấp 01 công trình kè lát mái đã có (Xem phụ lục 04: Thông số kỹ thuật chủ yếu của các công trình kè lát mái).

b) Cải tạo lòng dẫn:

Phạm vi cải tạo (nạo vét, khai thác) lòng dẫn được xác định theo tuyến chỉnh trị và đảm bảo các điều kiện:

- Đảm bảo ổn định của tuyến đê ( $M_o > 10$ ).

- Đảm bảo ổn định của bờ và bãi sông ( $M_o > 5$ ).

- Đảm bảo khoảng cách an toàn tối thiểu cách mép bãi 50m.

**VI. Khái toán vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư**

**1. Khái toán vốn đầu tư: 2.027,66 tỷ đồng.**

- Quy hoạch phòng, chống lũ: 1.081,26 tỷ đồng

+ Biện pháp phi công trình: 504,50 tỷ đồng.

+ Biện pháp công trình: 576,76 tỷ đồng.

- Quy hoạch chỉnh trị: 946,40 tỷ đồng.

**2. Phân kỳ đầu tư:**

**a) Giai đoạn 2013-2017: 1.069,40 tỷ đồng.**

- Quy hoạch phòng, chống lũ: 557,00 tỷ đồng.

+ Biện pháp phi công trình: 301,50 tỷ đồng.

+ Biện pháp công trình: 255,50 tỷ đồng.

- Quy hoạch chỉnh trị: 512,40 tỷ đồng.

**b) Giai đoạn 2018-2022: 958,26 tỷ đồng.**

- Quy hoạch phòng, chống lũ: 524,26 tỷ đồng

+ Biện pháp phi công trình: 203,00 tỷ đồng.

+ Biện pháp công trình: 321,26 tỷ đồng.

- Quy hoạch chỉnh trị: 434,00 tỷ đồng.

(Cụ thể có các phụ lục: 5a, 5b, 5c, 5d, 5e kèm theo)

## VII. Thời gian thực hiện đầu tư quy hoạch

Quy hoạch được lập cho thời đoạn 10 năm (tính từ thời điểm quy hoạch được phê duyệt); do đó, dự kiến thời gian thực hiện như sau:

- Giai đoạn I: Từ năm 2013 đến năm 2017;
- Giai đoạn II: Từ năm 2018 đến năm 2022.

*(Cụ thể có Hồ sơ Quy hoạch kèm theo)*

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét thỏa thuận Dự án Quy hoạch phòng, chống lũ và chỉnh trị sông Trà Khúc đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến Cửa Đại để UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt và tổ chức thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Nhu trên;
- TT HĐND tỉnh (b/cáo);
- CT, PCT (NL) UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư,  
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;  
Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải;
- BQL dự án Tu bổ, nâng cấp các công trình  
Thủy lợi và PCLB;
- VPUB: CVP, PCVP (NL), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak410.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phạm Trường Thọ**



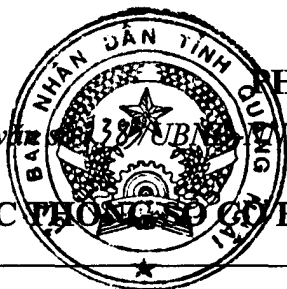
**PHỤ LỤC 01**

(Kèm theo Công văn số 857/UBND-ĐT ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**CAO ĐỘ MỰC NƯỚC SÔNG TRÀ KHÚC TÍNH TOÁN  
TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ ĐẶC TRƯNG**

TT	Vị trí	Cao độ mực nước (m)	Cao độ bờ tả (m)	Cao độ bờ hữu (m)
1	Cách hạ lưu đập Thạch Nham 5 km (K0)	19,31	16,15	18,31
2	Đường Cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi (K14+400)	11,84	7,83	10,17
3	Cầu Trường Xuân (K18+200)	9,92	8,01	8,58
4	Trạm Thủy văn Trà Khúc (K20+800)	8,62	8,61	9,23
5	Đập dâng HL sông Trà Khúc (thượng lưu đảo Hồng Ngọc - K21+400)	8,28	6,79	5,26
6	Nghĩa Dũng (K22+600)	7,82	2,69	6,82
7	Cổ Lũy (K31+600)	2,02		

Ghi chú: Mực nước tính toán trên sông Trà Khúc tại một số vị trí đặc trưng theo phương án quy hoạch phòng, chống lũ lựa chọn.

**PHỤ LỤC 02**

(Kèm theo Công văn số 39/UBND-ĐT TN ngày 01 /7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**CÁC THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA TUYẾN CHÍNH TRỊ**

<b>TT</b>	<b>Đoạn sông</b>	<b>B<sub>od</sub>(m)</b>	<b>R=3,5B</b>	<b>B<sub>min</sub></b>	<b>R<sub>min</sub>=3.5L</b>
1	Đập Thạch Nham - suối Lâm (K0 – K8+846)	250	875	40	140
2	Thôn Minh Long - thôn Minh Thành, xã Tịnh Minh (K8+846 – K13+828)	200	700	40	140
3	Minh Thành – thôn Thọ Lộc Tây, xã Tịnh Hà (K13+828 – K21+478)	270	945	40	140
4	Thôn Thọ Lộc Tây - cầu Trà Khúc mới (K21+478 – K27+454)	350	1225	40	140
5	Cầu Trà Khúc mới - thôn 3, xã Nghĩa Dũng (K27+454 – K30+720)	350	1225	40	140
6	Thôn 3 - thôn 6, xã Nghĩa Dũng (K30+720 – K34+950)	350	1225	40	140
7	Xã Nghĩa Hà - cửa Biên (K34+950 – K38+845)	500	1750	40	140





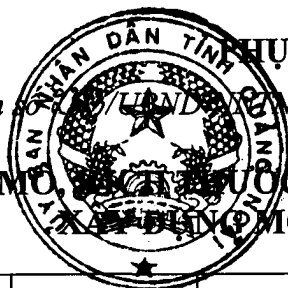
**PHỤ LỤC 03**

(Kèm theo Công văn số 138/KBN-UBND ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**VỊ TRÍ CÁC KẾ SÔNG TRÀ KHÚC CẢN CHÍNH TRỊ**

TT	Địa điểm	Chiều dài (m)
<b>I</b>	<b>Đoạn từ hạ lưu đập Thạch Nham đến suối Tó (K0-K12)</b>	
1	Thôn Phước Thọ, Tịnh Giang, Sơn Tịnh	900
2	Thôn An Kim, Tịnh Giang, Sơn Tịnh	1100
3	Thôn An Hòa, Tịnh Giang, Sơn Tịnh	1000
4	Thôn Hương Nhượng Nam, Tịnh Đông, Sơn Tịnh	1000
5	Thôn Giữa, Tịnh Đông, Sơn Tịnh	900
6	Thôn Tân Phước, Tịnh Đông, Sơn Tịnh	600
7	Thôn Minh Khánh, Tịnh Minh, Sơn Tịnh	1000
8	Thôn Minh Long, Tịnh Minh, Sơn Tịnh	2000
9	Thôn 6, Thôn 8, Nghĩa Lâm, Tư Nghĩa	2500
10	Thôn An Tây, Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa	800
11	Thôn An Cư, Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa	1200
12	Thôn An Tráng, Nghĩa Thắng, Tư Nghĩa	800
<b>II</b>	<b>Đoạn từ suối Tó đến suối Bà Mẹo (K12-K18)</b>	
13	Thôn An Mỹ, Nghĩa Thuận, Tư Nghĩa	300
14	Kè thôn Tây, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	300
15	Minh Thành, Tịnh Minh, Sơn Tịnh	1100
16	Thôn An Thọ, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	200
17	Thôn Đông, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	400
18	Thôn Diên Niên, Tịnh Sơn, Sơn Tịnh	300
<b>III</b>	<b>Đoạn từ suối Bà Mẹo đến cầu Trường Xuân (K18-K24)</b>	
19	Thôn Xuân Phổ Tây, Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa	1500
20	Thôn Xuân Phổ Đông, Nghĩa Kỳ, Tư Nghĩa	2000
21	Thôn Hà Tây, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	700
22	Thôn Thọ Lộc Tây, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	1000
23	Thôn Ngân Giang, Tịnh Hà, Sơn Tịnh	500
<b>IV</b>	<b>Đoạn từ cầu Trường Xuân đến kè Nghĩa Dũng (K24-K32)</b>	

<b>TT</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Chiều dài (m)</b>
24	Tổ 1 và tổ 3, phường Nghĩa Chánh, TP. Quảng Ngãi	1500
25	Thôn Ngọc Thạch, Tịnh An, Sơn Tịnh	500
26	Thôn Long Bàn, Tịnh An, Sơn Tịnh	1000
27	Thôn Tân Mỹ, Tịnh An, Sơn Tịnh	600
28	Thôn An Phú, Tịnh An, Sơn Tịnh	4000
<b>V</b>	<b>Đoạn từ kè Nghĩa Dũng đến cửa Đại (K32- K38+845)</b>	
29	Thôn An Đạo, Tịnh Long, Sơn Tịnh	1300
30	xã Tịnh Khê, Sơn Tịnh	3000
31	xã Nghĩa Hà, Tư Nghĩa	2500
32	Thôn Cổ Lũy Bắc, Nghĩa Phú, Tư Nghĩa	1500

**HỤ LỤC 04**

(Kèm theo Công văn số 100/UBND-QLĐT ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**VỊ TRÍ, QUY MÔ VÀ KÍCH THƯỚC CHỦ YẾU CÁC CÔNG TRÌNH KÈ  
XÂY DỰNG MỚI VÀ NÂNG CẤP**

Thứ tự	Tên Kè	Vị trí	Loại hình	Kích thước chủ yếu			
				Chiều dài (m)	Cao trình đỉnh kè	Cao trình chân kè	Hệ số mái (m)
1	Tịnh Giang	Xã Tịnh Giang (bờ tả)	Kè mái nghiêng	3000,0	+13,5	+8,8	2,5
2	Hung Nhượng Nam	Xã Tịnh Đông (bờ tả)	nt	1000,0	+13,0	+8,5	2,5
3	Thôn Giữa	Xã Tịnh Đông (bờ tả)	nt	900,0	+12,0	+7,7	2,5
4	Tân Phước	Xã Tịnh Đông (bờ tả)	nt	600,0	+11,5	+7,5	2,5
5	Minh Khánh	Xã Tịnh Minh (bờ tả)	nt	1000,0	+10,5	+7,0	2,5
6	Minh Long	Xã Tịnh Minh (bờ tả)	nt	2000,0	+11,00	+7,2	2,5
7	Nghĩa Lâm	Xã Nghĩa Lâm (bờ hữu)	nt	2500,0	+11,50	+7,5	2,5
8	An Tây	Xã Nghĩa Thắng (bờ hữu)	nt	800,0	+11,0	+7,2	2,5
9	An Cư	Xã Nghĩa Thắng (bờ hữu)	nt	1200,0	+10,50	+7,0	2,5
10	An Tráng	Xã Nghĩa Thắng (bờ hữu)	nt	800,0	+10,00	+6,5	2,5
11	An Mỹ	Xã Nghĩa Thuận (bờ hữu)	nt	300,0	+9,0	+5,0	2,5
12	Minh Thành	Xã Tịnh Minh (bờ tả)	nt	1100,0	+10,0	+6,5	2,5
13	An Thọ	Xã Tịnh	nt	200,0	+9,5	+5,5	2,5

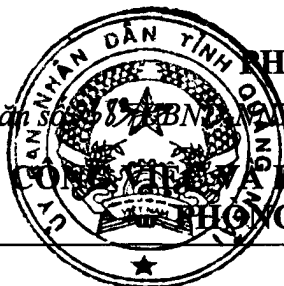
Thứ tự	Tên Kè	Vị trí	Loại hình	Kích thước chủ yếu			
				Chiều dài (m)	Cao trình đỉnh kè	Cao trình chân kè	Hệ số mái (m)
		Sơn (bờ tả)					
14	Thôn Đông	Xã Tịnh Sơn (bờ tả)	nt	400,0	+9,0	+4,5	2,5
15	Diên Niên	Xã Tịnh Sơn (bờ tả)	nt	300,0	+10,0	+6,0	2,5
16	Nghĩa Kỳ	Xã Nghĩa Kỳ (bờ hữu)	nt	3500,0	+9,0	+4,0	2,5
17	Hà Tây	Xã Tịnh Hà (bờ tả)	nt	700,0	+8,8	+4,0	2,5
18	Thọ Lộc Tây	Xã Tịnh Hà (bờ tả)	nt	1000,0	+8,2	+3,5	2,5
19	Ngân Giang	Xã Tịnh Hà (bờ tả)	nt	500,0	+8,5	+3,7	2,5
20	Nghĩa Chánh	Phường Nghĩa Chánh (bờ hữu)	nt	1500,0	+8,0	+3,2	2,5
21	Ngọc Thạch	Xã Tịnh An (bờ tả)	nt	1000,0	+5,0	+2,4	2,5
22	Long Bằng	Xã Tịnh An (bờ tả)	nt	600	+4,8	+2,2	2,5
23	Tân Mỹ	Xã Tịnh An (bờ tả)	nt	400	+4,6	+2,0	2,5
24	An Đạo	Xã Tịnh Long (bờ tả)	nt	1300	+4,0	+1,7	2,5
25	Tịnh Khê	Xã Tịnh Khê (bờ tả)	nt	3000	+3,5	+1,0	2,5
26	Nghĩa Hà	Xã Nghĩa Hà (bờ hữu)	nt	2500	+4,0	+1,7	2,5
27	Cổ Lũy Bắc	Xã Nghĩa Phú (bờ hữu)	nt	1500	+3,5	+1,0	2,5

**PHỤ LỤC 5a**

(Kèm theo Công văn số 100/UBND-QL ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**TỔNG HỢP CÔNG TÁC VÀ KINH PHÍ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG LŨ**

TT	Hạng mục công việc	Kinh phí (tỷ đồng)		
		Tổng	Giai đoạn	
			I	II
1.	Hoàn thiện hệ thống văn bản	90,00	90,00	
2.	Kiện toàn bộ máy, tổ chức	50,00	25,00	25,00
3.	Rà soát và lập quy hoạch	15,50	11,50	4,00
4.	Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo	35,00	17,50	17,50
5.	Đào tạo, nâng cao nhận thức cộng đồng	47,00	23,50	23,50
6.	Trồng và bảo vệ rừng	<i>Vốn theo chương trình</i>		
7.	Tăng cường năng lực quản lý, áp dụng khoa học công nghệ	167,00	84,00	83,00
8.	Xây dựng nhà tạm thời tránh lũ bão	100,00	50,00	50,00
<b>Tổng</b>		<b>504,50</b>	<b>301,50</b>	<b>203,00</b>



**PHỤ LỤC 5b**

(Kèm theo Công văn số 87/UBND-ĐT ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH VÀ KINH PHÍ BIỆN PHÁP CÔNG TRÌNH PHÒNG CHỐNG LŨ**

TT	Hạng mục công trình phòng chống lũ	Kinh phí (tỷ đồng)		
		Tổng	Giai đoạn	
			I	II
1.	Xây dựng mới tuyến đê bờ Bắc 7km	250,97	125,50	125,47
2.	Xây dựng mới tuyến đê bờ Nam 7km	236,69	130,00	106,69
3.	Nâng cấp đê hiện có bờ Nam	89,10	0,00	89,10
<b>Tổng</b>		<b>576,76</b>	<b>255,50</b>	<b>321,26</b>



**PHỤ LỤC 5c**

(Kèm theo Công văn số 30/UBND-UBND ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**QUY HOẠCH PHÍ PHÒNG, CHỐNG LŨ**

TT	Quy hoạch phòng chống lũ	Kinh phí (tỷ đồng)		
		Tổng	Giai đoạn	
			I	II
1.	Biện pháp phi công trình	504,50	301,50	203,00
2.	Biện pháp công trình	576,76	255,50	321,26
<b>Tổng</b>		<b>1081,26</b>	<b>557,00</b>	<b>524,26</b>

**PHỤ LỤC 5d***(Kèm theo Công văn số 37/UBND ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)***NHU CẦU KINH PHÍ VÀ SỐ QUẪU ĐÀU TƯ QUY HOẠCH CHÍNH TRỊ SÔNG TRÀ KHÚC ĐOẠN TƯ LƯU ĐẬP THẠCH NHAM ĐẾN CỬA ĐẠI**

<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Chiều dài (m)</b>	<b>Kinh phí (tỷ đồng)</b>
<b>1</b>	<b>Giai đoạn 1: (2013 - 2017)</b>	<b>18.300</b>	<b>512,4</b>
	- Kè Tịnh Giang	3.000	84,0
	- Kè Minh Long	2.000	56,0
	- Kè Nghĩa Lâm	2.500	70,0
	- Kè An Tây	800	22,4
	- Kè An Đạo	1.300	36,4
	- Kè Tịnh Khê	3.000	84,0
	- Kè Nghĩa Chánh	1.500	42,0
	- Kè An Cư	1.200	33,6
	- Kè An Tráng	800	22,4
	- Kè Ngân Giang	500	14,0
	- Kè Cổ Lũy Bắc	1.500	42,0
	- Nâng cấp kè thôn Tây	200	5,6
<b>2</b>	<b>Giai đoạn 2: (2018 - 2022)</b>	<b>15.500</b>	<b>434,0</b>
	- Kè Tân Phước	600	16,8
	- Kè Minh Khánh	1.000	28,0
	- Kè Minh Thành	1.100	30,8
	- Kè An Thọ	200	5,6
	- Kè thôn Đông	400	11,2
	- Kè Hà Tây	700	19,6
	- Kè Thọ Lộc Tây	1.000	28,0
	- Kè Nghĩa Hà	2.500	70,0
	- Kè Hưng Nhượng Nam	1.000	28,0
	- Kè thôn Giữa	900	25,2
	- Kè An Mỹ	300	8,4
	- Kè Diên Niên	300	8,4
	- Kè Nghĩa Kỳ	3.500	98,0
	- Kè Ngọc Thạch	1.000	28,0
	- Kè Long Bằng	600	16,8
	- Kè Tân Mỹ	400	11,2





**PHỤ LỤC 5e**

(Kèm theo Công văn số 238/UBND-PTN ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

**TỔNG HỢP DỰ SẴ KINH PHÍ VÀ PHÂN KỲ ĐẦU TƯ  
QUY HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LŨ VÀ CHỈNH TRỊ SÔNG TRÀ KHÚC  
ĐOẠN TỪ HẠ LƯU ĐẬP THẠCH NHAM ĐẾN CỬA ĐẠI**

TT	Hạng mục	Kinh phí (tỷ đồng)		
		Tổng	Giai đoạn	
			I	II
1.	Quy hoạch phòng chống lũ	1081,26	557,00	524,26
a.	Biện pháp phi công trình	504,5	301,5	203,0
b.	Biện pháp công trình	576,76	255,50	321,26
2.	Quy hoạch chỉnh trị	946,40	512,40	434,00
<b>Tổng</b>		<b>2027,66</b>	<b>1069,40</b>	<b>958,26</b>